

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường**  
**tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020 - 2025**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 326/TTr-STNMT-MT ngày 30 tháng 7 năm 2020,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020 - 2025, với các nội dung sau:

**1. Mục tiêu:**

Thực hiện giám sát, đo đạc, phân tích các thành phần môi trường để từng bước có đầy đủ thông tin, cơ sở dữ liệu các thành phần môi trường; tổng hợp bức tranh hiện trạng và nhận định đánh giá về diễn biến môi trường trên địa bàn của tỉnh. Trên cơ sở những nhận định, đánh giá giúp các địa phương cũng như cơ quan quản lý định hướng các giải pháp giải quyết triệt để các nguồn thải, nâng cao công tác quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**2. Phạm vi:**

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện chương trình quan trắc môi trường trên toàn tỉnh Thừa Thiên Huế (trừ các vị trí khu vực bên trong các khu công nghiệp, khu kinh tế do Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh quản lý).

- Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh thực hiện chương trình quan trắc môi trường tại các khu vực bên trong các khu công nghiệp, khu kinh tế do Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh quản lý.

### 3. Mạng lưới quan trắc môi trường

#### 3.1. Tổng số điểm quan trắc các thành phần môi trường qua các năm 2020 - 2025:

##### 3.1.1. Năm 2020:

- Kế hoạch quan trắc môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế do Sở Tài nguyên và Môi trường đang thực hiện bao gồm 236 vị trí do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện, cụ thể:

STT	Thành phần môi trường	Số lượng điểm quan trắc	
		Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban quản lý KKTCN
1.	Môi trường không khí, tiếng ồn và độ rung	49	Kế hoạch quan trắc môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020 do Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh đang thực hiện theo kinh phí sự nghiệp môi trường được UBND tỉnh phân bổ tại Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2020.
2.	Môi trường nước mặt lục địa	100	
3.	Môi trường nước dưới đất	19	
4.	Môi trường nước biển ven bờ	11	
5.	Môi trường đất	18	
6.	Nước thải	15	
7.	Trầm tích	24	
<b>Tổng cộng</b>		<b>236</b>	

##### 3.1.2. Năm 2021:

- Kế hoạch quan trắc môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm 306 vị trí, trong đó Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện quan trắc tại 241 vị trí và Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh thực hiện quan trắc tại 65 vị trí, cụ thể:

STT	Thành phần môi trường	Số lượng điểm quan trắc		
		Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban quản lý KKTCN	Tổng cộng
1.	Môi trường không khí, tiếng ồn và độ rung	54	18	72
2.	Môi trường nước mặt lục địa	100	18	118
3.	Môi trường nước dưới đất	19	8	27
4.	Môi trường nước biển ven bờ	11	6	17
5.	Môi trường đất	18	10	28
6.	Nước thải	15	5	20
7.	Trầm tích	24	0	24
<b>Tổng cộng</b>		<b>241</b>	<b>65</b>	<b>306</b>

### 3.1.3. Năm 2022:

- Kế hoạch quan trắc môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm 337 vị trí, trong đó Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện quan trắc tại 269 vị trí và Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh thực hiện quan trắc tại 68 vị trí, cụ thể:

STT	Thành phần môi trường	Số lượng điểm quan trắc		
		Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban quản lý KKTCN	Tổng cộng
1.	Môi trường không khí, tiếng ồn và độ rung	64	18	82
2.	Môi trường nước mặt lục địa	100	18	118
3.	Môi trường nước dưới đất	19	8	27
4.	Môi trường nước biển ven bờ	11	6	17
5.	Môi trường đất	18	10	28
6.	Nước thải	15	8	23
7.	Trầm tích	42	0	42
<b>Tổng cộng</b>		<b>269</b>	<b>68</b>	<b>337</b>

### 3.1.4. Năm 2023:

- Kế hoạch quan trắc môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm 348 vị trí, trong đó Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện quan trắc tại 280 vị trí và Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh thực hiện quan trắc tại 68 vị trí, cụ thể:

STT	Thành phần môi trường	Số lượng điểm quan trắc		
		Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban quản lý KKTCN	Tổng cộng
1.	Môi trường không khí, tiếng ồn và độ rung	64	18	82
2.	Môi trường nước mặt lục địa	111	18	129
3.	Môi trường nước dưới đất	19	8	27
4.	Môi trường nước biển ven bờ	11	6	17
5.	Môi trường đất	18	10	28
6.	Nước thải	15	8	23
7.	Trầm tích	42	0	42
<b>Tổng cộng</b>		<b>280</b>	<b>68</b>	<b>348</b>

### 3.1.5. Năm 2024:

- Kế hoạch quan trắc môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm 361 vị trí, trong đó Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện quan trắc tại 293 vị trí và Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh thực hiện quan trắc tại 68 vị trí, cụ thể:

STT	Thành phần môi trường	Số lượng điểm quan trắc		
		Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban quản lý KKTCN	Tổng cộng
1.	Môi trường không khí, tiếng ồn và độ rung	64	18	82
2.	Môi trường nước mặt lục địa	122	18	140
3.	Môi trường nước dưới đất	19	8	27
4.	Môi trường nước biển ven bờ	13	6	19
5.	Môi trường đất	18	10	28
6.	Nước thải	15	8	23
7.	Trầm tích	42	0	42
<b>Tổng cộng</b>		<b>293</b>	<b>68</b>	<b>361</b>

### 3.1.6. Năm 2025:

- Kế hoạch quan trắc môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm 377 vị trí, trong đó Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện quan trắc tại 309 vị trí và Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh thực hiện quan trắc tại 68 vị trí, cụ thể:

STT	Thành phần môi trường	Số lượng điểm quan trắc		
		Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban quản lý KKTCN	Tổng cộng
1.	Môi trường không khí, tiếng ồn và độ rung	68	18	82
2.	Môi trường nước mặt lục địa	128	18	146
3.	Môi trường nước dưới đất	19	8	27
4.	Môi trường nước biển ven bờ	13	6	19
5.	Môi trường đất	24	10	34
6.	Nước thải	15	8	29
7.	Trầm tích	42	0	42
<b>Tổng cộng</b>		<b>309</b>	<b>68</b>	<b>379</b>

### 3.2. Vị trí điểm quan trắc: (Đính kèm phụ lục).

### 3.3. Thông số quan trắc:

- Thông số quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn và độ rung: 08 thông số: Vi khí hậu (Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió); tiếng ồn; độ rung, TSP; CO; NO<sub>2</sub>; SO<sub>2</sub>; H<sub>2</sub>S;

- Thông số quan trắc môi trường nước mặt lục địa: 19 thông số: nhiệt độ, pH, DO, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, NO<sub>2</sub><sup>-</sup>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, As, Cd, Pb, Cu, Zn, Mn, Hg, Fe, Coliform. Trong đó, có 7 vị trí thuộc chương trình Quan trắc do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện có quan trắc thêm thông số HCBV TV cơ clo;

- Thông số quan trắc môi trường nước dưới đất: 18 thông số: pH, chỉ số permanganat, TDS, độ cứng tổng số (tính theo CaCO<sub>3</sub>), NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, NO<sub>2</sub><sup>-</sup>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, Cl<sup>-</sup>, SO<sub>4</sub><sup>2-</sup>, CN<sup>-</sup>, As, Cd, Pb, Cu, Zn, Hg, Fe, Coliform;

- Thông số quan trắc môi trường nước biển ven bờ: 25 thông số: Nhiệt độ,

độ mặn, EC, pH, DO, độ đục, TDS, TSS,  $\text{NH}_4^+$ ,  $\text{PO}_4^{3-}$ ,  $\text{CN}^-$ , As, Mn, Fe, Cu, Zn, tổng phenol, tổng Cr, Cr(VI),  $\text{NO}_2^-$ , Hg, Cd, Pb, tổng dầu mỡ khoáng, coliform;

- Thông số quan trắc môi trường đất: 07 thông số: As, Cd, Pb, Cr, Cu, Zn. Đối với chương trình Quan trắc do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện sẽ có quan trắc thêm các thông số pH, Hóa chất BVTV cơ clo, Hóa chất BVTV cơ photpho;

- Thông số quan trắc chất lượng trầm tích: 07 thông số: As, Cd, Pb, Zn, Hg, tổng Cr, Cu.

- Thông số quan trắc nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: 10 thông số: pH,  $\text{BOD}_5$ , TSS, TDS, Sunfua,  $\text{NH}_4^+$ ,  $\text{NO}_3^-$ ,  $\text{PO}_4^{3-}$ , dầu mỡ động thực vật, Coliform;

+ Nước thải y tế: 10 thông số: pH,  $\text{BOD}_5$ , COD, TSS, Sunfua,  $\text{NH}_4^+$ ,  $\text{NO}_3^-$ ,  $\text{PO}_4^{3-}$ , dầu mỡ động thực vật, Coliform;

+ Nước thải công nghiệp:

✓ Ngành dệt nhuộm: 10 thông số: nhiệt độ, pH, độ màu,  $\text{BOD}_5$ , COD, TSS,  $\text{CN}^-$ , Cr(VI), clo dư, tổng các chất hoạt động bề mặt;

✓ Bãi chôn lấp chất thải rắn: 04 thông số:  $\text{BOD}_5$ , COD, tổng N,  $\text{NH}_4^+$ ;

✓ Chế biến thực phẩm: 13 thông số: Nhiệt độ, pH, màu,  $\text{BOD}_5$ , COD, TSS,  $\text{CN}^-$ , clo dư, sunfua,  $\text{NH}_4^+$ , tổng N, tổng P, Coliform;

✓ Sơ chế cao su thiên nhiên: 6 thông số: pH, BOD, COD, TSS, tổng N,  $\text{NH}_4^+$ ;

✓ Các ngành khác: 19 thông số: Nhiệt độ, pH,  $\text{BOD}_5$ , COD, TSS, As, Hg, Pb, Cd, Cr(VI), Fe, tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua,  $\text{NH}_4^+$ , tổng N, tổng P, clo dư, Coliform;

### **3.4. Tần suất quan trắc:**

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường, ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế với tần suất thực hiện từng thành phần môi trường cụ thể như sau:

#### **3.4.1. Đối với chương trình do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện:**

STT	Thành phần môi trường	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1.	Môi trường không khí, tiếng ồn độ rung	5 lần/năm	6 lần/năm	6 lần/năm	6 lần/năm	6 lần/năm	6 lần/năm
2.	Môi trường nước mặt lục địa	5 lần/năm	5 lần/năm	5 lần/năm	6 lần/năm	6 lần/năm	6 lần/năm
3.	Môi trường nước dưới đất	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm
4.	Môi trường nước biển ven bờ	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm
5.	Nước thải	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm
6.	Môi trường đất	2 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm
7.	Trầm tích	2 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm
8.	Các vị trí quan trắc nhạy cảm, có tác động lớn đến an ninh, an toàn xã hội	10 lần/năm	12 lần/năm	12 lần/năm	12 lần/năm	12 lần/năm	12 lần/năm

*3.4.2. Đối với chương trình do Ban quản lý khu kinh tế công nghiệp thực hiện:*

STT	Thành phần môi trường	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1.	Môi trường không khí, tiếng ồn độ rung	5 lần/năm	6 lần/năm	6 lần/năm	6 lần/năm	6 lần/năm
2.	Môi trường nước mặt lục địa	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	5 lần/năm	6 lần/năm
3.	Môi trường nước dưới đất	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm
4.	Môi trường nước biển ven bờ	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm	4 lần/năm
5.	Nước thải	2 lần/năm	2 lần/năm	3 lần/năm	3 lần/năm	4 lần/năm
6.	Môi trường đất	2 lần/năm	2 lần/năm	2 lần/năm	2 lần/năm	2 lần/năm

#### 4. Sản phẩm giao nộp

4.1. Hàng năm, các đơn vị thực hiện và giao nộp sản phẩm như sau:

- Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh giao nộp báo cáo kết quả quan trắc theo quý, báo cáo kết quả tổng hợp năm trên địa bàn khu kinh tế, khu công nghiệp về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Sở Tài nguyên và Môi trường giao nộp báo cáo kết quả quan trắc theo quý, báo cáo kết quả tổng hợp năm trên địa bàn toàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

4.2. Thời gian, chế độ tổng hợp, báo cáo:

- Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh:

+ Giao nộp báo cáo kết quả quan trắc theo quý về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng đầu tiên của quý tiếp theo.

+ Giao nộp báo cáo kết quả quan trắc năm về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31/01 của năm sau.

- Sở Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở kết quả thực hiện và tổng hợp kết quả quan trắc do Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh giao nộp để tổng hợp báo cáo kết quả quan trắc của toàn tỉnh:

+ Giao nộp, báo cáo UBND tỉnh kết quả quan trắc theo quý trước ngày 30 tháng đầu tiên của quý tiếp theo.

+ Giao nộp, báo cáo UBND tỉnh kết quả quan trắc năm trước ngày 15/3 của năm sau.

#### 5. Nguồn kinh phí

Kinh phí sự nghiệp môi trường được giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Ban Quản lý khu kinh tế công nghiệp tỉnh hàng năm trong giai đoạn 2021 – 2025 (năm 2020 đã được phân bổ kinh phí), cụ thể như sau:

STT	Năm	Kinh phí quan trắc hàng năm (đơn vị: đồng)		
		Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban quản lý KKTCN	Tổng cộng
1.	2021	3.150.000.000	890.000.000	4.040.000.000
2.	2022	3.300.000.000	930.000.000	4.230.000.000
3.	2023	3.670.000.000	970.000.000	4.640.000.000
4.	2024	3.840.000.000	1010.000.000	4.850.000.000
5.	2025	4.040.000.000	1050.000.000	5.090.000.000



**6. Thời gian thực hiện:** Từ năm 2020 đến năm 2025.

**Điều 2. Phân công thực hiện**

Sở Tài nguyên và Môi trường và Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện chương trình quan trắc môi trường các năm: năm 2020, năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 và năm 2025 trên địa bàn tỉnh theo phạm vi thực hiện và theo kinh phí sự nghiệp môi trường được giao hàng năm, đảm bảo thực hiện quan trắc thành phần môi trường đúng các quy định kỹ thuật quan trắc hiện hành và theo chỉ đạo của UBND tỉnh; giao nộp sản phẩm đúng thời gian, đảm bảo chất lượng và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện;

Sở Tài nguyên và Môi trường và Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giám sát triển khai thực hiện quan trắc môi trường hàng năm trên địa bàn tỉnh. Chịu trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh những biến động, khó khăn, vướng mắc để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 - 2020.

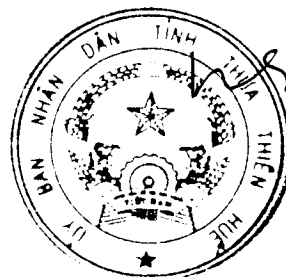
**Điều 4.** Chánh văn phòng UBND tỉnh Thừa Thiên Huế; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế, Công nghiệp tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế;
- VP: LĐ và các CV UBND tỉnh;
- Lưu: VT, GT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Phương**



**Phụ lục 1:**

**VỊ TRÍ QUAN TRẮC CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ NĂM 2020 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

**Phụ lục 1a. Vị trí điểm quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn và độ rung do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện**

STT	Khu vực	Kiểu Quan trắc	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm							
				2020	2021	2022	2023	2024	2025		
1	Khu vực thành phố Huế	Môi trường nền	Khu vực khuôn viên Đền Nam Giao	x	x	x	x	x	x		
2			Khu vực Hồ Tịnh Tâm	x	x	x	x	x	x		
3			Khu vực Trung tâm hành chính công	x	x	x	x	x	x		
4			Khu vực quảng trường Ngọ Môn		x	x	x	x	x		
5			Khu vực UBND phường Hương Sơ, thành phố Huế		x	x	x	x	x		
6		Môi trường tác động	Bến xe phía Bắc thành phố Huế	x	x	x	x	x	x		
7			Bến xe phía Nam thành phố Huế	x	x	x	x	x	x		
8			Khu vực ga Huế	x	x	x	x	x	x		
9			Khu vực ngã ba đường Tam Thai và đường Tự Đức	x	x	x	x	x	x		
10			Khu vực Nam Vỹ Dạ	x	x	x	x	x	x		
11			Khu vực dân cư gần chợ đầu mối Phú Hậu	x	x	x	x	x	x		
12			Khu dân cư phường Phường Đúc	x	x	x	x	x	x		
13			Khu đô thị An Vân Dương – ngã tư đường Võ Văn Kiệt và Hoàng Quốc Việt	x	x	x	x	x	x		
14			Khu vực dân cư gần trạm bơm trung chuyển nước thải (năm cuối hướng gió tại thời điểm quan trắc)			x	x	x	x		
15			Khu dân cư xung quanh cụm công nghiệp Hương Sơ năm cuối hướng gió	x	x	x	x	x	x		
16			Khu vực dân cư gần nhà máy XLNT (năm cuối hướng gió tại thời điểm quan trắc)		x	x	x	x	x		
17			Khu vực huyện	Môi trường	Khu vực dân cư xã Điền Hương	x	x	x	x	x	x
18					Khu vực dân cư xã Điền Môn	x	x	x	x	x	x

STT	Khu vực	Kiểu Quan trắc nền	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm						
				2020	2021	2022	2023	2024	2025	
19	Phong Điền	Kiểu Quan trắc nền	Khu vực dân cư xã Điện Lộ	x	x	x	x	x	x	
20			Khu vực dân cư xã Điện Hòa	x	x	x	x	x	x	
21			Khu vực dân cư xã Điện Hải	x	x	x	x	x	x	
22			Khu vực dân cư xã Phong Bình	x	x	x	x	x	x	
23			Khu vực dân cư xã Phong Hòa	x	x	x	x	x	x	
24			Khu vực dân cư xã Phong Thu	x	x	x	x	x	x	
25			Khu vực dân cư xã Phong Chương	x	x	x	x	x	x	
26			Khu vực trăm bậc náy, xã Phong Bình	x	x	x	x	x	x	
27			Khu vực dân cư xã Phong Hiến	x	x	x	x	x	x	
28			Khu vực dân cư xã Phong An	x	x	x	x	x	x	
29			Khu vực dân cư thị trấn Phong Điền	x	x	x	x	x	x	
30			Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Điền	x	x	x	x	x	x	
31			Môi trường tác động	Khu vực dân cư thị trấn Phong Điền (trên đường tỉnh lộ 6)	x	x	x	x	x	x
32				Khu vực dân cư xung quanh nhà máy xi măng Đồng Lâm (năm cuối hướng gió tại thời điểm quan trắc)	x	x	x	x	x	x
33	Khu vực dân cư xung quanh KCN Phong Điền (cuối hướng gió tại thời điểm quan trắc)			x	x	x	x	x		
34	Khu vực huyện Quảng Điền	Môi trường nền	Khu vực dân cư thị trấn Sịa	x	x	x	x	x	x	
35			Khu bảo tồn đất ngập nước sông Ô Lâu			x	x	x	x	
36	Khu vực thị xã Hương Trà	Môi trường nền	Khu vực phường Tứ Hạ		x	x	x	x	x	
37			Khu vực xã Hương Văn			x	x	x	x	
38		Môi trường tác động	Khu vực dân cư thị trấn Tứ Hạ, (ngã ba Quốc lộ 1A và đường Độc Lập)	x	x	x	x	x	x	
39			Khu vực cụm công nghiệp Tứ Hạ (khu vực dân cư nằm cạnh nhà máy xi măng Luks, năm cuối hướng gió tại thời điểm quan	x	x	x	x	x	x	

STT	Khu vực	Kiểu Quan trắc	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm					
				2020	2021	2022	2023	2024	2025
			trắc						
40			Khu vực tỉnh lộ 16, gần khu vực băng tải đá Vôi xi măng Luks	x	x	x	x	x	x
41			Khu vực dân cư xung quanh KCN Tứ Hạ, nằm cuối hướng gió tại thời điểm quan trắc			x	x	x	x
42			Khu vực giao của QL.1A đường tránh Huế và QL.49B, phía đầu cầu Tuần						x
43			Khu du lịch sinh thái về nguồn, phường Hương Hồ, thị xã Hương Trà			x	x	x	x
44			Khu vực dân cư nằm cạnh TL16 đối diện trạm nghiên số 1 Trường Sơn						x
45			Khu vực gần cầu Tam Giang, nằm trên Quốc lộ 49B	x	x	x	x	x	x
46		Môi trường nền	Khu vực dân cư phường Phú Bài	x	x	x	x	x	x
47			Ngã tư đường Dạ Lê và đường tránh Huế	x	x	x	x	x	x
48			Khu vực gần khu công nghiệp Phú Bài và cảng hàng không Phú Bài	x	x	x	x	x	x
49	Khu vực thị xã Hương Thủy	Môi trường tác động	Khu vực dân cư xung quanh CCN Thủy Phương, nằm cuối hướng gió tại thời điểm quan trắc.	x	x	x	x	x	x
50			Khu vực dân cư trên đường vào bãi chôn lấp Thủy Phương			x	x	x	x
51			Khu vực xung quanh KCN Phú Bài, nằm đầu hướng gió tại thời điểm quan trắc			x	x	x	x
52			Khu vực xung quanh KCN Phú Bài, nằm cuối hướng gió tại thời điểm quan trắc	x	x	x	x	x	x
53			Khu vực dân cư xung quanh Nhà máy dệt máy Huế, nằm cuối hướng gió tại thời điểm quan trắc	x	x	x	x	x	x
54			Khu vực dân cư gần khu xử lý chất thải rắn tập trung tại xã Phú Sơn						x

STT	Khu vực	Kiểu Quan trắc	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm						
				2020	2021	2022	2023	2024	2025	
55	Khu vực huyện Phú Vang	Môi trường nền	Khu vực dân cư xã Phú Mậu							X
56			Khu vực thị trấn Phú Đa			X	X	X	X	
57		Môi trường tác động	Khu vực dân cư thị trấn Thuận An	X	X	X	X	X	X	
58			Khu vực xung quanh KCN Phú Đa, nằm cuối hướng gió tại thời điểm quan trắc	X	X	X	X	X	X	
59			Khu vực ngã ba đường Võ Văn Kiệt và tỉnh lộ 10	X	X	X	X	X	X	
60	Khu vực huyện Phú Lộc	Môi trường nền	Khu vực dân cư thị trấn Phú Lộc			X	X	X	X	
61			Khu vực dân cư thị trấn Lăng Cô	X	X	X	X	X	X	
62			Khu vực gần công viên quốc gia Bạch Mã	X	X	X	X	X	X	
63			Khu vực dân cư xã Vinh Hưng	X	X	X	X	X	X	
64		Môi trường tác động	Khu vực Chân Mây – Lăng Cô (ngã tư trên đường Chân Mây – Lăng Cô ra vào cảng Chân Mây)	X	X	X	X	X	X	
65			Khu vực xung quanh KCN La Sơn, nằm cuối hướng gió tại thời điểm quan trắc	X	X	X	X	X	X	
66	Khu vực huyện A Lưới	Môi trường nền	Khu dân cư thị trấn A Lưới	X	X	X	X	X	X	
67	Khu vực huyện Nam Đông	Môi trường nền	Khu vực dân cư thị trấn Khe Tre	X	X	X	X	X	X	
68		Môi trường tác động	Khu vực hành lang đường cao tốc, cách đường khoảng 100m			X	X	X	X	
			<b>Tổng cộng</b>	<b>49</b>	<b>54</b>	<b>64</b>	<b>64</b>	<b>64</b>	<b>68</b>	

**Phụ lục 1b. Vị trí điểm quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn và độ rung do Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh thực hiện**

TT	Khu vực	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc				
			2021	2022	2023	2024	2025
1	KCN Phú Bài	Công chính KCN Phú Bài, vị trí gần đường tàu và phía trước bưu điện	x	x	x	x	x
2		Trước công chính Nhà máy bia Carlsberg, gần vị trí của nhà máy của Công ty CP Hello Quốc tế Việt Nam	x	x	x	x	x
3		Điểm trên tuyến đường giữa Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Phú Bài và Công ty Cổ phần Giống cây trồng vật nuôi Thừa Thiên Huế	x	x	x	x	x
4	KCN Phong Điền	Điểm phía trước Nhà máy sản xuất Frit của Công ty Cổ phần Prime Phong Điền	x	x	x	x	x
5		Điểm tại vị trí công chính Khu C - KCN Phong Điền	x	x	x	x	x
6		Điểm tại vị trí công chính KCN Phong Điền – Viglacera	x	x	x	x	x
7	KCN La Sơn	Công chính Công ty TNHH Vitto Phú Lộc nhà máy sản xuất gạch	x	x	x	x	x
8		Ngã ba giữa đường đi Nam Đông và đường đi vào khu công nghiệp của Công ty Vitto	x	x	x	x	x
9		Điểm ngay tuyến đường giữa Công ty Hào Hưng Huế và Công ty TNHH Đinh Hương	x	x	x	x	x
10	KCN Phú Đa	Điểm phía trước Công ty CP CN Frit Phú Sơn	x	x	x	x	x
11		Điểm phía trước Công ty CP Dệt may Thiên An Phú	x	x	x	x	x
12		Điểm phía trước Nhà máy may 4 của Công ty CP Dệt may Huế	x	x	x	x	x
13	KCN Tứ Hạ	Điểm phía trước Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera	x	x	x	x	x
14		Điểm phía Công ty TNHH Lavaya (Hong Kong)	x	x	x	x	x
15		Điểm ngay tuyến đường trước Nhà máy của Công ty Xi măng Luks	x	x	x	x	x
16	Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô	Khu vực cảng Chân Mây, gần kho xăng dầu	x	x	x	x	x
17		Khu vực gần nhà máy rác Lộc Thủy, cách tường rào nhà máy khoảng 50 m	x	x	x	x	x
18		Khu vực xã Lộc Tiên (trong khu công nghiệp số 1)	x	x	x	x	x
<b>Tổng số điểm</b>			<b>18</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>18</b>



**Phụ lục 2.**

**Vị trí các điểm Quan trắc môi trường nước mặt lục địa**

(Kèm theo Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

**Phụ lục 2a.** Vị trí điểm quan trắc môi trường nước mặt lục địa do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện

STT	Khu vực	Kiểu quan trắc	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm						
				2020	2021	2022	2023	2024	2025	
1	Sông Tả Trạch	Môi trường nền	Nhánh sông Tả Trạch, phía thượng nguồn ngã Ba Tuần, sông Hương.	x	x	x	x	x	x	
2	Sông Hữu Trạch		Nhánh sông Hữu Trạch, phía thượng nguồn ngã Ba Tuần, sông Hương.	x	x	x	x	x	x	
3	Sông Hương	Môi trường nền	Sông Hương, ngã 3 Tuần	x	x	x	x	x	x	
4		Môi trường tác động	Sông Hương, khu vực Xước Dũ (Long Hồ)	x	x	x	x	x	x	
5			Sông Hương, khu vực trước Điện Hòn Chén				x	x	x	
6			Sông Hương, khu vực chợ Đông Ba	x	x	x	x	x	x	
7			Sông Hương, khu vực cầu chợ Dinh				x	x	x	
8			Sông Hương, khu vực gần ngã 3 giáp với Sông Đào và Sông Đông Ba	x	x	x	x	x	x	
9			Sông Hương, khu vực ngã ba Sinh	x	x	x	x	x	x	
10			Sông Hương, khu vực phía thượng nguồn đập Thảo Long	x	x	x	x	x	x	
11			Sông Hương, khu vực phía hạ nguồn đập Thảo Long	x	x	x	x	x	x	
12			Chi lưu sông Hương	Môi trường tác động	Sông Đông Ba 1	x	x	x	x	x
13	Sông Đông Ba 2							x	x	x
14	Sông Đào						x	x	x	
15	Sông Ké Vạn	x			x	x	x	x	x	
16	Sông Bạch Yến	x			x	x	x	x	x	
17	Hồ, Hào quanh thành	Môi trường	Cửa Thượng Tứ, khu vực giữa cầu bắt ngang hào	x	x	x	x	x	x	
18			Cửa An Hòa, khu vực giữa cầu bắt ngang hào						x	

STT	Khu vực	Kiểu quan trắc	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm					
				2020	2021	2022	2023	2024	2025
19		tác động	Giữa sông Ngự Hà tại công Vinh Lợi	x	x	x	x	x	x
20			Giữa sông Ngự Hà tại công Cầu Kho	x	x	x	x	x	x
21			Hồ Tịnh Tâm						x
22	Sông An Cựu	Môi trường tác động	Sông An Cựu, phía thượng nguồn gần Sông Hương	x	x	x	x	x	x
23			Sông An Cựu, tại cầu Tam Tây- An Cựu				x	x	x
24			Sông An Cựu, tại cầu Lợi Nông	x	x	x	x	x	x
25			Sông An Cựu, tại cầu Ngang	x	x	x	x	x	x
26	Sông Như Ý, Lợi Nong	Môi trường tác động	Sông Như Ý, khu vực Đập Đá	x	x	x	x	x	x
27			Sông Như Ý tại cầu Vỹ Dạ	x	x	x	x	x	x
28			Sông Như Ý tại cầu Vân Dương	x	x	x	x	x	x
29			Điểm Sông Như Ý giao với Hối Phát Lát	x	x	x	x	x	x
30			Ngã ba nhánh rẽ sông Như Ý ( rẽ về cầu Như Ý 1 và cầu Như Ý 2)	x	x	x	x	x	x
31			Sông Như Ý, tại cầu Như Ý 1	x	x	x	x	x	x
32			Sông Như Ý, tại cầu Như Ý 2	x	x	x	x	x	x
33			Điểm rẽ chi lưu của sông Như Ý	x	x	x	x	x	x
34			Ngã ba nhánh rẽ Thanh Toàn và Vân Khê, cầu Thống Nhất	x	x	x	x	x	x
35			Ngã ba sông Như Ý vào đầm Sam	x	x	x	x	x	x
36			Cầu Ngói Thanh Toàn	x	x	x	x	x	x
37			Đoạn giao sông Như Ý và sông Lợi Nông	x	x	x	x	x	x
38			Đoạn giao sông Lợi Nông và Khe Vực	x	x	x	x	x	x
39	Sông Phở Lợi	Môi trường tác động	Khu vực Đập La Ý, Đoạn giao Sông Hương và Sông Phở Lợi					x	x
40			Sông Phở Lợi, lấy tại cầu Chợ Nọ					x	x
41			Hạ nguồn sông Phở Lợi, cách điểm đổ vào đầm Thanh Lam 200 về phía Thượng Nguồn	x	x	x	x	x	x
42	Sông Đại Giang	Môi trường	Sông Đại Giang, khu vực cầu Lương Lộ					x	x
43			Sông Đại Giang, khu vực cầu Phú Thứ	x	x	x	x	x	x



STT	Khu vực	Kiểu quan trắc	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm					
				2020	2021	2022	2023	2024	2025
44		tác động	Sông Đại Giang, khu vực cầu Đại Giang					X	X
45			Sông Đại Giang, khu vực hạ lưu sông gần điểm đổ vào đầm Cầu Hai	X	X	X	X	X	X
46	Sông Thiệu Hóa	Môi trường tác động	Sông Thiệu Hóa, tại cầu Thiệu Hóa					X	X
47	Sông Phú Bài	Môi trường tác động	Sông Phú Bài, khu vực Cầu cây Thông				X	X	X
48			Sông Phú Bài, cách điểm tiếp nhận nguồn thải khu công nghiệp Phú Bài 500 m về phía thượng nguồn	X	X	X	X	X	X
49			Sông Phú Bài, cách KCN Phú Bài 500m về phía Hạ nguồn				X	X	X
50			Sông Phú Bài, phía trên đập Cam Thu	X	X	X	X	X	X
51			Sông Phú Bài, khu vực cầu chữ V xã Thủy Phù					X	X
52			Sông Phú Bài – điểm giao Quốc lộ 1A	X	X	X	X	X	X
53			Sông Phú Bài, khu vực hạ lưu sông, gần điểm đổ vào sông Đại Giang	X	X	X	X	X	X
54	Sông Nong	Môi trường nền	Sông Nong, khu vực tái định cư thôn Bến Ván	X	X	X	X	X	X
55		Môi trường tác động	Sông Nong, khu vực cầu Nong	X	X	X	X	X	X
56		Sông Nong, khu vực hạ nguồn	X	X	X	X	X	X	
57	Sông Truôi	Môi trường nền	Sông Truôi, khu vực hồ Truôi	X	X	X	X	X	X
58		Môi trường tác động	Sông Truôi, khu vực cầu Truôi	X	X	X	X	X	X
59		Sông Truôi, khu vực hạ nguồn	X	X	X	X	X	X	
60		Nước khe đập Xoài, khu vực gần Trang trại Hoàng Vân						X	
61	Sông Nước	Môi trường nền	Sông Bù Lu, khu vực cầu Bù Lu	X	X	X	X	X	X

STT	Khu vực	Kiểu quan trắc	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm						
				2020	2021	2022	2023	2024	2025	
	Ngọt và Sông Bù Lu	trường tác động								
62	Sông Bò	Môi trường nền	Sông Bò, khu vực lòng hồ thủy điện Hương Điền	x	x	x	x	x	x	
63		Môi trường nền	Sông Bò, khu vực phía dưới thủy điện Hương Điền					x	x	
64		Môi trường tác động		Sông Bò, khu vực cầu An Lỗ	x	x	x	x	x	x
65				Hối Thủ Lễ giao với Sông Bò						x
66				Sông Bò, khu vực hạ lưu sông (gần Phá tại công An Xuân, xã Quảng An)	x	x	x	x	x	x
67				Môi trường nền	Sông Ô Lâu, khu vực cầu Nà Này	x	x	x	x	x
68	Sông Ô Lâu	Môi trường tác động	Sông Ô Lâu, khu vực khe Mạ đổ vào sông Ô Lâu				x	x	x	
69			Sông Ô Lâu, khu vực cầu Phò Trạch				x	x	x	
70			Sông Ô Lâu, khu vực cầu Phước Tích	x	x	x	x	x	x	
71			Sông Ô Lâu, khu vực gần kênh Mai Lĩnh				x	x	x	
72			Sông Ô Lâu, khu vực cầu Hòa Xuân	x	x	x	x	x	x	
73			Sông Ô Lâu, khu vực ngã ba phía hạ nguồn sông				x	x	x	
74			Phá Tam Giang	Môi trường tác động	Mặt cắt Quảng Thái và Điền Hòa, hạ lưu đập Cửa Lác (điểm gần Quảng Thái)	x	x	x	x	x
75	Mặt cắt Quảng Thái và Điền Hòa, hạ lưu đập Cửa Lác (điểm gần Điền Hòa)	x			x	x	x	x	x	
76	Thượng nguồn đập Cửa Lác (giữa đập)	x			x	x	x	x	x	
77	Mặt cắt Hương Phong và Hải Dương, cầu Ca Cút (Điểm gần Hương Phong)	x			x	x	x	x	x	
78	Mặt cắt Hương Phong và Hải Dương, cầu Ca Cút (Điểm gần Hải Dương)	x			x	x	x	x	x	
79	Mặt cắt bên đò Côn Tộc và bên đò Vĩnh Tu (gần bên đò	x			x	x	x	x	x	

STT	Khu vực	Kiểu quan trắc	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm					
				2020	2021	2022	2023	2024	2025
			Cồn Tộc)						
80			Mặt cắt bên đò Cồn Tộc và bên đò Vĩnh Tu (gần bên đò Vĩnh Tu)	x	x	x	x	x	x
81			Khu vực cửa biển Thuận An	x	x	x	x	x	x
82			Khu vực cảng cá Thuận An	x	x	x	x	x	x
83			Khu nuôi tôm công nghiệp xã Quảng Công	x	x	x	x	x	x
84			Thôn Tân lập, thị trấn Sịa	x	x	x	x	x	x
85			Cồn Đâu, xã Hải Dương	x	x	x	x	x	x
86			Cồn Tè, xã Hương Phong	x	x	x	x	x	x
87	Đầm Sam - Thanh Lam	Môi trường tác động	Mặt cắt xã Phú Thuận và Phú An (Điểm gần Phú Thuận)	x	x	x	x	x	x
88			Mặt cắt xã Phú Thuận và Phú An (Điểm gần Phú An)	x	x	x	x	x	x
89			Khu vực đầm Thanh Lam giữa Thuận An và Phú Thuận	x	x	x	x	x	x
90			Khu vực giữa đầm Sam Chuồn	x	x	x	x	x	x
91			Cồn Hợp Châu, thị trấn Thuận An	x	x	x	x	x	x
92	Đầm Thủy Tú	Môi trường tác động	Đầm Thủy Tú lấy tại cầu Trường Hà	x	x	x	x	x	x
93			Đoi mũi Hàn, xã Phú Xuân	x	x	x	x	x	x
94			Đình Đôi, xã Vinh Hưng	x	x	x	x	x	x
95	Đầm Cầu Hai	Môi trường tác động	Mặt cắt xã Lộc An và Vinh Giang (Điểm gần Lộc An)	x	x	x	x	x	x
96			Mặt cắt xã Lộc An và Vinh Giang (Điểm gần Vinh Giang)	x	x	x	x	x	x
97			Mặt cắt thị trấn Phú Lộc và Lộc Bình (điểm gần Phú Lộc)	x	x	x	x	x	x
98			Mặt cắt thị trấn Phú Lộc và Lộc Bình (điểm gần Lộc Bình)	x	x	x	x	x	x
99			Khu vực cửa biển Tư Hiền	x	x	x	x	x	x
100			Trung Chánh, xã Lộc Điền	x	x	x	x	x	x
101			Hà Nã, xã Vinh Hiền	x	x	x	x	x	x
102	Đầm Lập An	Môi trường	Mặt cắt khu vực chân đèo Phú Gia và cầu Lăng Cô (gần đèo Phú Gia)	x	x	x	x	x	x

STT	Khu vực	Kiểu quan trắc	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm					
				2020	2021	2022	2023	2024	2025
103		tác động	Mặt cắt khu vực chân đèo Phú Gia và cầu Lăng Cô (lấy mẫu tại cầu Lăng Cô)	x	x	x	x	x	x
104			Khu vực cồn giữa đầm	x	x	x	x	x	x
105			Khu vực phía Nam đầm Lập An, cách bờ khoảng 200m	x	x	x	x	x	x
106	Điểm tiếp nhận nước thải, khu vực gần các nhà máy	Môi trường tác động	Kênh tiếp nhận nước thải trong khu công nghiệp Phong Điền dẫn về sông Ô Lâu	x	x	x	x	x	x
107			Khe Mây, huyện Phong Điền	x	x	x	x	x	x
108			Nước sông tại làng nghề bún Ô Sa, Quảng Vinh	x	x	x	x	x	x
109			Nước sông tại làng nghề bún Vân Cù, Hương Toàn	x	x	x	x	x	x
110			Khe nước nằm cạnh đường An Thường Công Chúa	x	x	x	x	x	x
111			Sông Mỹ Gia tại thôn Tam Vị	x	x	x	x	x	x
112			Khe Đięng tại xã Hương Bình, thị xã Hương Trà						x
113			Nước Bàu Sen, huyện Quảng Điền					x	x
114			Khe Nam Lăng 1, phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy	x	x	x	x	x	x
115			Khe Nam Lăng 2, phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy	x	x	x	x	x	x
116			Khe Bội tại xã Phú Sơn, thị xã Hương Thủy						x
117	Sông chợ Hâm, huyện Phú Lộc					x	x		
118	Khe Vũng Tồn, xã Hương Phú, huyện Nam Đông	x	x	x	x	x	x		
119	Huyện Phong Điền	Môi trường tác động	Hồ Hòa Mỹ	x	x	x	x	x	x
120	Huyện Quảng Điền	Môi trường tác động	Hồ Nam Giáng	x	x	x	x	x	x
121	Thị xã Hương Trà	Môi trường	Hồ Thọ Sơn	x	x	x	x	x	x

STT	Khu vực	Kiểu quan trắc	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm					
				2020	2021	2022	2023	2024	2025
		tác động							
122	Huyện Nam Đông	Môi trường nền	Thượng nguồn Sông Tả Trạch, thị trấn Khe Tre	x	x	x	x	x	x
123	Thị xã Hương Thủy	Môi trường tác động	Hồ Châu Sơn	x	x	x	x	x	x
124			Khe Vực					x	x
125			Hồ Khe Lờ	x	x	x	x	x	x
126			Khu vực Khe đổ vào lòng hồ từ khe Nam Lãng					x	x
127			Khu vực hồ Bà Hộ, xã Thủy Phù	x	x	x	x	x	x
128			Khu vực Hồ Ba Cửa	x	x	x	x	x	x
			<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>111</b>	<b>122</b>	<b>128</b>

**Phụ lục 2b. Vị trí điểm quan trắc môi trường nước mặt lục địa do Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh thực hiện**

TT	Khu vực	Vị trí Quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm				
			2021	2022	2023	2024	2025
1	KCN Phú Bài	Hồ chứa sinh học trước khi thải ra môi trường của khu công nghiệp Phú Bài	x	x	x	x	x
2		Khe tiếp nhận nước thải trạm xử lý khu công nghiệp Phú Bài	x	x	x	x	x
3		Điểm ngay cầu nằm trên trục chính của KCN Phú Bài giai đoạn 4	x	x	x	x	x
4	KCN Phong Điền	Kênh dẫn nước phía sau khu VN Hàn Quốc	x	x	x	x	x
5		Đập Ba Làng	x	x	x	x	x
6		Hạ lưu điểm xả thải của khu công nghiệp Phong Điền (đoạn giao giữa đầu sông Khúc Lý và cuối sông Trạch Tả)	x	x	x	x	x
7		Kênh dẫn nước thải phía sau nhà máy của Công ty CP Chăn nuôi CP Việt Nam, chi nhánh Huế	x	x	x	x	x
8		Điểm cuối công thoát nước tại Khu B, KCN Phong Điền trước khi thải vào đập Hào	x	x	x	x	x
9	KCN La Sơn	Khe nước phía Tây Nam nhà máy dăm gỗ Hào Hưng	x	x	x	x	x
10		Khe nước phía sau Nhà máy sản xuất dầu FO của Công ty TNHH Bình Nhân để dẫn nước mặt ra sông La Sơn	x	x	x	x	x
11	KCN Phú Đa	Khe nước phía sau điểm tiếp nhận nước thải của Công ty CP Công nghệ Frit Phú Sơn	x	x	x	x	x
12		Khe nước phía sau điểm tiếp nhận nước thải Nhà máy may 4 của Công ty CP Dệt may Huế	x	x	x	x	x
13	KCN Tứ Hạ	Khe tiếp nhận nước thải của của Trạm xử lý nước thải tập trung Công ty CP Hello Quốc tế Việt Nam	x	x	x	x	x
14	Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô	Sông Bù Lu, cách cầu Bù Lu khoảng 500 m về phía hạ lưu	x	x	x	x	x
15		Đầm Lập An, khu vực gần cửa Lăng Cô	x	x	x	x	x
16		Đầm Lập An, khu vực gần nhà hàng Làng Chài	x	x	x	x	x
17		Đầm Lập An, khu vực gần nhà hàng Trạm xử lý nước thải thị trấn Lăng Cô	x	x	x	x	x
18		Đầm Lập An, khu vực gần nhà hàng ga Lăng Cô	x	x	x	x	x
<b>Tổng số điểm</b>			<b>18</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>18</b>



1

**Phụ lục 3:**  
**Vị trí các điểm Quan trắc môi trường nước dưới đất**

(Kèm theo Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

**Phụ lục 3a. Vị trí điểm quan trắc môi trường nước dưới đất do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện**

STT	Khu vực	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm						
			2020	2021	2022	2023	2024	2025	
1	Thành phố Huế	Giếng khoan QT5-H tại phường Thủy Biều, thành phố Huế		x	x	x	x	x	
2	Huyện Phong Điền	Khu vực dân cư xã Điền Hương	x						
3		Khu vực dân cư xã Phong Chương	x						
4		Khu vực dân cư xã Điền Môn	x						
5		Giếng khoan QT2a-H tại xã Phong Hiền, huyện Phong Điền		x	x	x	x	x	
6		Giếng khoan QT2b-H tại xã Phong Hiền, huyện Phong Điền		x	x	x	x	x	
7		Huyện Quảng Điền	Khu vực dân cư xã Quảng Công	x					
8	Khu vực dân cư gần bãi rác Quảng Điền		x						
9	Giếng khoan QT1a-H tại xã Quảng Lợi		x	x	x	x	x	x	
10	Giếng khoan QT1b-H tại xã Quảng Lợi			x	x	x	x	x	
11	Thị xã Hương Trà	Hộ dân xung quanh nhà máy xi măng Luks	x	x	x	x	x	x	
12	Thị xã Hương Thủy	Khu vực dân cư phường Thủy Phương	x						
13		Khu vực dân cư gần bãi chôn lấp rác Thủy Phương	x						
14		Khu vực dân cư gần bãi chôn lấp xã Phú Sơn	x						
15		Khu vực gần Nghĩa trang phía Nam	x						
16		Giếng khoan QT4a-H tại xã Thủy Vân, thị xã Hương Thủy		x	x	x	x	x	
17		Giếng khoan QT4B-H tại xã Thủy Vân, thị xã Hương Thủy		x	x	x	x	x	
18		Giếng khoan QT7A-H tại phường Thủy Lương, thị xã Hương Thủy		x	x	x	x	x	
19		Giếng khoan QT7b-H tại phường Thủy Lương, thị xã Hương Thủy		x	x	x	x	x	
20			Giếng khoan QT6a-H tại xã Vinh Xuân	x	x	x	x	x	x

STT	Khu vực	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm					
			2020	2021	2022	2023	2024	2025
21	Huyện Phú Vang	Giếng khoan QT6b-H tại xã Vinh Xuân		x	x	x	x	x
22		Giếng khoan QT3a-H tại xã Phú Xuân	x	x	x	x	x	x
23	Huyện Phú Lộc	Giếng khoan QT9-H tại xã Lộc Điền		x	x	x	x	x
24		Giếng khoan QT8a-H tại xã Vinh Mỹ		x	x	x	x	x
25		Giếng khoan QT8b-H tại xã Vinh Mỹ		x	x	x	x	x
26	Huyện A Lưới	Khu vực dân cư xã Phú Vinh	x	x	x	x	x	x
27		Khu vực dân cư xã Đông Sơn	x	x	x	x	x	x
28	Huyện Nam Đông	Khu vực dân cư xã Hương Lộc	x					
29		Khu vực dân cư xã Thượng Quảng	x					
30		Khu vực dân cư gần bãi rác Hương Phú	x	x	x	x	x	x
31		Khu vực dân cư xã Thượng Long	x					
		<b>Tổng cộng</b>	<b>19</b>	<b>19</b>	<b>19</b>	<b>19</b>	<b>19</b>	<b>19</b>

**Phụ lục 3b. Vị trí điểm quan trắc môi trường nước dưới đất do Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp thực hiện**

TT	Khu vực	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm				
			2021	2022	2023	2024	2025
1	KCN Phú Bài	Nước giếng tại Hộ Huỳnh Châu, tổ 7, phường Phú Bài	x	x	x	x	x
2		Nước giếng tại Đường tránh Huế, giao giữa giai đoạn 2 và giai đoạn 3 (hộ Lê Đình Ôn, thôn B1, xã Thủy Phù)	x	x	x	x	x
3	KCN Phong Điền	Nước giếng khoan Hộ Nguyễn Hải Hà, thôn Khúc Lý Ba Lạp, xã Phong Thu, Phong Điền	x	x	x	x	x
4		Nước giếng hộ Trần Trung, thôn Hưng Long, xã Phong Hiền, Phong Điền	x	x	x	x	x
5	KCN La Sơn	Nước giếng khoan hộ Nguyễn Văn Thảo, thôn Vinh Sơn, xã Lộc Sơn, huyện Phú Lộc	x	x	x	x	x
6	KCN Phú Đa	Nước giếng nhà dân hộ ông Nguyễn Văn Tấn, thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang	x	x	x	x	x



TT	Khu vực	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm				
			2021	2022	2023	2024	2025
7	Khu kinh tế Chân Mây	Giếng đào trên đường vào nhà máy rác Lộc Thủy, hộ Đỗ Văn Đồng, thôn Nam Phước, xã Lộc Thủy	x	x	x	x	x
8	- Lãng Cô	Giếng khoan khu dân cư thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh (hộ Trần Văn Quý)	x	x	x	x	x
<b>Tổng số điểm</b>			<b>8</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>8</b>

**Phụ lục 4:****Vị trí các điểm Quan trắc môi trường nước biển ven bờ\**

(Kèm theo Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

**Phụ lục 4a. Vị trí điểm quan trắc môi trường nước biển ven bờ do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện**

STT	Khu vực	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm					
			2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Huyện Phú Vang	Bãi tắm Thuận An	X	X	X	X	X	X
2		Bãi tắm Vinh Thanh	X	X	X	X	X	X
3	Huyện Phú Lộc	Bãi tắm Vinh Hiền	X	X	X	X	X	X
4		Bãi tắm Cảnh Dương	X	X	X	X	X	X
5		Bãi tắm Lăng Cô	X	X	X	X	X	X
6		Nước biển ven bờ Vinh Mỹ					X	X
7	Huyện Phong Điền	Nước biển ven bờ khu vực xã Diên Lộc	X	X	X	X	X	X
8		Nước biển ven bờ khu vực xã Diên Hương	X	X	X	X	X	X
9		Nước biển ven bờ khu vực xã Diên Môn	X	X	X	X	X	X
10		Nước biển ven bờ khu vực xã Diên Hòa	X	X	X	X	X	X
11		Nước biển ven bờ khu vực xã Phong Hải	X	X	X	X	X	X
12	Huyện Quảng Điền	Bãi tắm xã Quảng Ngạn	X	X	X	X	X	X
13	Thị xã Hương Trà	Nước biển xã Hải Dương					X	X
		<b>Tổng cộng</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>13</b>	<b>13</b>

**Phụ lục 4b. Vị trí điểm quan trắc môi trường nước biên ven bờ do Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp thực hiện**

TT	Khu vực	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm				
			2021	2022	2023	2024	2025
1	Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô	Khu vực cảng Chân Mây, bên trái bồn chứa xăng dầu, cách khu vực cầu cảng 300m	x	x	x	x	x
2		Nước biển gần khu du lịch Laguna	x	x	x	x	x
3		Nước biển thôn Cảnh Dương, trước đôn biên phòng Chân Mây	x	x	x	x	x
4		Nước biển cách Đê chắn sóng 100m phía ngoài Cảng	x	x	x	x	x
5		Nước biển cách Bến số 3 khoảng 100m	x	x	x	x	x
6		Nước biển cách Bến số 4 khoảng 100m	x	x	x	x	x
<b>Tổng số điểm</b>			<b>6</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>6</b>

**Phụ lục 5:****Vị trí các điểm Quan trắc môi trường đất***(Kèm theo Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)***Phụ lục 5a. Vị trí điểm quan trắc môi trường đất do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện**

STT	Khu vực	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm					
			2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Thành phố Huế	Khu vực trồng cây ăn trái thuộc phường Thủy Biều	x	x	x	x	x	x
2	Huyện Phong Điền	Khu vực ảnh hưởng chiến tranh xã Phong Mỹ	x	x	x	x	x	x
3		Khu vực xung quanh bãi chôn lấp rác Phong Thu	x	x	x	x	x	x
4		Khu vực canh tác cây nông nghiệp ngăn ngày khu vực xã Phong Hiền						x
5		Khu vực canh tác cây nông nghiệp ngăn ngày khu vực xã Điền Lộc	x	x	x	x	x	x
6		Khu vực canh tác cây nông nghiệp ngăn ngày khu vực xã Phong Sơn						x
7	Huyện Quảng Điền	Khu vực canh tác thuộc hợp tác xã Quảng Thọ	x	x	x	x	x	x
8		Khu vực canh tác Hợp tác xã Kim Thành, xã Quảng Thành	x	x	x	x	x	x
9		Khu vực Bãi chôn lấp hợp vệ sinh xã Quảng Lợi	x	x	x	x	x	x
10		Khu vực NTTS xã Quảng Công	x	x	x	x	x	x
11	Thị xã Hương Trà	Khu vực canh tác thuộc hợp tác xã Hương An	x	x	x	x	x	x
12		Khu vực canh tác thuộc hợp tác xã Hương Chũ						x
13	Thị xã Hương Thủy	Khu vực tiêu hủy và chôn lấp chất Cs (gần Khe lờ, Hương Thủy)						x
14		Khu vực Cụm tiểu thủ CN và làng nghề Thủy Phương	x	x	x	x	x	x
15		Khu vực hạ du xung quanh bãi chôn lấp rác thải Thủy Phương	x	x	x	x	x	x
16		Khu vực dân cư xung quanh nhà máy thuốc sát trùng Huế - CN công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam	x	x	x	x	x	x
17		KCN Phú Bài						x
18		Khu vực khu xử lý chất thải rắn tập trung tại xã Phú Sơn	x	x	x	x	x	x
19	Huyện Phú Vang	Khu vực canh tác nông nghiệp xã Phú Lương	x	x	x	x	x	x
20		Khu vực canh tác nông nghiệp xã Phú Mậu	x	x	x	x	x	x
21		Khu công nghiệp Phú Đa	x	x	x	x	x	x

STT	Khu vực	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm						
			2020	2021	2022	2023	2024	2025	
22	Huyện Phú Lộc	Khu vực canh tác cây nông nghiệp ngăn ngày xã Vinh Hiền							x
23	Huyện A Lưới	Khu vực chịu ảnh hưởng bởi chất độc hóa học khu vực sân bay A So	x	x	x	x	x	x	x
24	Huyện Nam Đông	Khu vực Bãi chôn lấp hợp vệ sinh xã Hương Phú	x	x	x	x	x	x	x
<b>Tổng cộng</b>			<b>18</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>24</b>

**Phụ lục 5b. Vị trí điểm quan trắc môi trường đất do Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp thực hiện**

TT	Khu vực	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm				
			2021	2022	2023	2024	2025
1	KCN Phú Bài	Khu vực gần miệng thải của trạm xử lý nước thải khu công nghiệp Phú Bài	x	x	x	x	x
2		Khu vực cách khu công nghiệp Phú Bài 200 m về phía Tây	x	x	x	x	x
3	KCN Phong Điền	Mẫu đất tại khu vực trước công Khu C, KCN Phong Điền	x	x	x	x	x
4		Đất lấy tại khu vực trước Nhà máy Prime Phong Điền	x	x	x	x	x
5	KCN La Sơn	Đất khu vực trước nhà máy dăm gỗ Đình Hương	x	x	x	x	x
6		Đất cạnh đường vào nhà máy Vitto	x	x	x	x	x
7	KCN Phú Đa	Đất trong KCN Phú Đa, đối diện công chính của Công ty CP CN Frit Phú Sơn	x	x	x	x	x
8		Đất trong KCN Phú Đa, đối diện công chính của Công ty TNHH MTV Sơn Hà Huế	x	x	x	x	x
9	Khu kinh tế Chân Mây	Khu vực gần cảng Chân Mây, đường chính ra cảng.	x	x	x	x	x
10	Lăng Cô	Khu vực gần nhà máy rác Lộc Thủy, cách tường rào nhà máy khoảng 50 m	x	x	x	x	x
<b>Tổng số điểm</b>			<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>



**Phụ lục 6b. Vị trí điểm quan trắc nước thải do Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp thực hiện**

TT	Khu vực	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm				
			2021	2021	2021	2021	2021
1	KCN Phú Bài	Điểm thải của trạm xử lý nước thải Khu công nghiệp Phú Bài	x	x	x	x	x
2	KCN Phong Điền	Điểm thải của trạm xử lý nước thải Khu C, KCN Phong Điền		x	x	x	x
3		Điểm thải của trạm xử lý nước thải KCN Phong Điền Viglacera	x	x	x	x	x
4		Điểm thải tại đầu ra của Nhà máy Kanglongda Huế		x	x	x	x
5	KCN La Sơn	Điểm thải của trạm xử lý nước thải KCN La Sơn của Công ty TNHH Vitto		x	x	x	x
6		Điểm thải tại đầu ra của Công ty CP Dệt may Thiên An Phú	x	x	x	x	x
7	KCN Tứ Hạ	Điểm thải của trạm xử lý nước thải Khu công nghiệp Tứ Hạ	x	x	x	x	x
8	Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô	Điểm thải của trạm xử lý nước thải Khu công nghiệp và Khu Phi thuế quan	x	x	x	x	x
<b>Tổng số điểm</b>			<b>4</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>8</b>



**Phụ lục 7:**

**Vị trí các điểm Quan trắc môi trường trầm tích**


(Kèm theo Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

**Phụ lục 7a. Vị trí điểm quan trắc chất lượng trầm tích do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện**

STT	Khu vực	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm					
			2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Sông Hương	Phía thượng nguồn sông Hương, tại cầu Thăng Long khu vực Lương Miêu, thị xã Hương Thủy			X	X	X	X
2		Phía thượng nguồn sông Hương, tại cầu Bình Thành, xã Bình Thành, thị xã Hương Trà			X	X	X	X
3		Mẫu tổ hợp tại mặt cắt Ngã 3 Tuần, thượng nguồn sông Hương	X	X	X	X	X	X
4		Cầu Xước Dũ (Long Hồ)			X	X	X	X
5		Sông Hương, khu vực Điện Hòn Chén			X	X	X	X
6		Mẫu tổ hợp tại mặt cắt cầu Chợ Dinh			X	X	X	X
7		Mẫu tổ hợp Sông Hương, khu vực gần ngã 3 giáp với Sông Đào và Sông Đông Ba			X	X	X	X
8		Mẫu tổ hợp tại mặt cắt ngã ba Sinh	X	X	X	X	X	X
9		Thượng nguồn đập Thảo Long	X	X	X	X	X	X
10		Hạ nguồn đập Thảo Long	X	X	X	X	X	X
11	Phá Tam Giang	Mặt cắt khu vực cửa biển Thuận An (phía xã Hải Dương)	X	X	X	X	X	X
12		Mặt cắt khu vực cửa biển Thuận An (phía thị trấn Thuận An)	X	X	X	X	X	X
13	Đầm Sam - Thanh Lam	Khu vực đầm Thanh Lam giữa Thuận An và Phú Thuận	X	X	X	X	X	X
14	Đầm Thủy Tú	Đầm Thủy Tú lấy tại cầu Trường Hà			X	X	X	X
15	Đầm Cầu	Mặt cắt xã Lộc An và Vinh Giang (khu vực giữa đầm)	X	X	X	X	X	X



STT	Khu vực	Vị trí quan trắc	Kế hoạch quan trắc các năm					
			2020	2021	2022	2023	2024	2025
16	Hai	Khu vực cửa biển Tư Hiền	x	x	x	x	x	x
17	Đầm Lập An	Khu vực giữa đầm Lập An	x	x	x	x	x	x
18		Gần khu vực tiếp nhận nước thải của HTXL Lăng Cô			x	x	x	x
19	Khu vực biển ven bờ	Khu vực biển Lăng Cô - Bắc Hải Vân (khu vực Hòn Chà)	x	x	x	x	x	x
20		Khu vực biển Cảnh Dương	x	x	x	x	x	x
21		Khu vực biển Thuận An	x	x	x	x	x	x
22		Khu vực biển Quảng Ngạn	x	x	x	x	x	x
23	Sông Phú Bài	Phía trên đập Cam Thu	x	x	x	x	x	x
24		Hạ nguồn sông Phú Bài	x	x	x	x	x	x
25	Sông Nong	Hạ nguồn sông Nong	x	x	x	x	x	x
26	Sông Truội	Hạ nguồn sông Truội	x	x	x	x	x	x
27	Sông Bù Lu	Sông Bù Lu khu vực gần cửa sông	x	x	x	x	x	x
28	Sông Bò	Hạ nguồn sông Bò	x	x	x	x	x	x
29	Sông Ô Lâu	Sông Ô Lâu, cầu Phước Tích			x	x	x	x
30	Sông Ô Lâu	Ngã ba phía hạ nguồn sông Ô Lâu	x	x	x	x	x	x
31	Sông Ô Lâu	Sông Ô Lâu, gần kênh Mai Lĩnh			x	x	x	x
32	Sông Nụ	Điểm Sông Nụ giao với Phá Tam Giang			x	x	x	x
33	Sông Đào	Sông Đào, lấy tại cầu Bao Vinh			x	x	x	x
34	Sông Đông Ba	Sông Đông Ba, lấy tại cầu Bãi Dâu			x	x	x	x
35	Sông An Cựu	Sông An Cựu, ngã ba giao với hói Phát Lát			x	x	x	x

STT	Khu vực	Vị trí quan trắc 	Kế hoạch quan trắc các năm					
			2020	2021	2022	2023	2024	2025
36	Sông Như Ý	Sông Như Ý, tại cầu Như Ý 2			X	X	X	X
37	Sông Đại Giang	Sông Đại Giang, khu vực giao với đầm Cầu Hai			X	X	X	X
38	Sông Phô Lợi	Hạ nguồn sông Phô Lợi, cách điểm đổ vào đầm Thanh Lam 200 về phía Thượng Nguồn			X	X	X	X
39	các Hồ	Hồ Truôi			X	X	X	X
40		Hồ Châu Sơn	X	X	X	X	X	X
41		Hồ Hòa Mỹ	X	X	X	X	X	X
42		Hồ Khe Lờ	X	X	X	X	X	X
		<b>Tổng cộng</b>	<b>24</b>	<b>24</b>	<b>42</b>	<b>42</b>	<b>42</b>	<b>42</b>